

Chi tiết mã HS 7322.90.00

Mã HS	7322.90.00
Mô tả hàng hóa	Lò sưởi của hệ thống nhiệt trung tâm không dùng điện và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép; thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hòa), không làm nóng bằng điện, có lắp quạt hoặc quạt thổi chạy bằng mô tơ, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 15:27:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73229000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11911
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11911
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11911
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11266
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11209
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11209
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11209
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11209
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11209
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11209
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11261
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11261
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11261
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11261

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11261
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11261
VJEPa	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11262
VJEPa	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11262
VJEPa	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11262
VJEPa	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11262
VJEPa	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11262
VJEPa	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11262
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11265
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11215
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11221
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11221
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11221
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11221
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11221
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11221
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11252
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11252
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11252
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11252
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11252
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11252
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11299
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11299
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11299
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11299
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11299
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11284
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11284
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11284
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11284
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11284
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11284
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11284
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11284
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11284
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11284
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11284
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11284
EVFTA	2022	2022	8,5	EV-NK!D11301
EVFTA	2023	2023	5,6	EV-NK!E11301
EVFTA	2024	2024	2,8	EV-NK!F11301
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11301
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11301
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11301
UKVFTA	2022	2022	8,5	UKV!D11300
UKVFTA	2023	2023	5,6	UKV!E11300
UKVFTA	2024	2024	2,8	UKV!F11300
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11300
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11300
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11300

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11247
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11247
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11247
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11247
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11247
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11247
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11247
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11284
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11284
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11284
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11284
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11284
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11284
RCEP B	2022	2022	0	B!D11284
RCEP B	2023	2023	0	B!E11284
RCEP B	2024	2024	0	B!F11284
RCEP B	2025	2025	0	B!G11284
RCEP B	2026	2026	0	B!H11284
RCEP B	2027	2027	0	B!I11284
RCEP C	2022	2022	0	C!D11284
RCEP C	2023	2023	0	C!E11284
RCEP C	2024	2024	0	C!F11284
RCEP C	2025	2025	0	C!G11284
RCEP C	2026	2026	0	C!H11284
RCEP C	2027	2027	0	C!I11284
RCEP D	2022	2022	0	D!D11283

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11283
RCEP D	2024	2024	0	D!F11283
RCEP D	2025	2025	0	D!G11283
RCEP D	2026	2026	0	D!H11283
RCEP D	2027	2027	0	D!I11283
RCEP E	2022	2022	0	E!D11287
RCEP E	2023	2023	0	E!E11287
RCEP E	2024	2024	0	E!F11287
RCEP E	2025	2025	0	E!G11287
RCEP E	2026	2026	0	E!H11287
RCEP E	2027	2027	0	E!I11287
RCEP F	2022	2022	0	F!D11284
RCEP F	2023	2023	0	F!E11284
RCEP F	2024	2024	0	F!F11284
RCEP F	2025	2025	0	F!G11284
RCEP F	2026	2026	0	F!H11284
RCEP F	2027	2027	0	F!I11284
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F10452
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G10452
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H10452
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I10452

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 7322.90.00 có mã Chương 98 tương ứng 9818.15.00 (thuế MFN riêng: 10%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hoà), không sử dụng năng lượng điện, có lắp quạt chạy bằng mô tơ hoặc quạt gió, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7322.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 7322.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11911), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.